

Số: 325 /KH-UBND

Lào Cai, ngày 13 tháng 12 năm 2017

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Thực hiện văn bản số 4126/BTNMT-BĐKH ngày 11/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, UBND tỉnh Lào Cai ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh với các nội dung sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Huy động mọi nguồn lực của toàn xã hội, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm góp phần cùng cả nước đạt được mục tiêu theo Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

Tuyên truyền, phổ biến và phát huy vai trò, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trong việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK), nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh (TTX) góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai.

Xác định các hoạt động cụ thể và giải pháp thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **2. Yêu cầu**

Các nhiệm vụ trong kế hoạch của tỉnh phải bám sát các nội dung theo Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; việc triển khai thực hiện nhiệm vụ trong kế hoạch phải đồng bộ, cụ thể, tính toàn diện và có hiệu quả thiết thực.

Chủ động lồng ghép các nội dung về BĐKH, tăng trưởng xanh và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính vào trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương.

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phải chủ động tăng cường mối quan hệ tìm kiếm kêu gọi hợp tác đầu tư và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch không phát thải khí nhà kính ra môi trường (*biogas, năng lượng mặt trời, năng lượng điện gió, năng lượng thủy điện...*); xây dựng lộ trình ứng dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt đô thị; xây dựng lộ trình giảm phát thải khí nhà kính phù hợp cho địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng Các-bon rừng (*Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh - PRAP đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 10/6/2017*).

Tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh phù hợp với điều kiện của tỉnh Lào Cai cho các lĩnh vực: môi trường, công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

### **2. Nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu**

#### **2.1. Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu**

Phát huy phương châm “4 tại chỗ”, củng cố và tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp. Tăng cường năng lực và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động ứng phó với Biến đổi khí hậu, phòng chống hiệu quả thiên tai, lũ quét và sạt lở đất.

Cập nhật kịp thời kịch bản biến đổi khí hậu theo các kết quả nghiên cứu mới nhất từ các bộ, ngành trung ương; Xác định những ảnh hưởng tiềm tàng của biến đổi khí hậu đến hạ tầng kỹ thuật, những khu vực trọng điểm.

Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh Lào Cai phù hợp với kế hoạch hành động của quốc gia.

Rà soát, củng cố, xây dựng các phương án, các công trình trọng điểm phòng chống thiên tai, cấp bách. Chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những khu vực thường xuyên bị tác động của lũ lụt và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất; hoàn thiện việc xây dựng bản đồ phân vùng tai biến địa chất để sử dụng cho công tác cảnh báo sớm cho người dân vùng hay bị sạt lở đất; triển khai mô hình giám sát, cảnh báo sớm, đáp ứng nhanh khi có dịch bệnh.

Giám sát và quản lý, bảo đảm an toàn các hồ chứa thủy lợi, thủy điện, các công trình dân sinh, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai trong bối cảnh Biến đổi khí hậu.

Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu của các ngành và lĩnh vực Tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công nghiệp, xây dựng, giao thông, nước sạch và vệ sinh môi trường, văn hóa thể thao và du lịch và một số địa bàn huyện có tính dễ bị tổn thương cao như Sa Pa, Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai.

## **2.2. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao với phương châm mục tiêu sản xuất sạch, tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, tạo giống, các loại hình dịch vụ kỹ thuật, chú trọng dịch vụ giống nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng cao và bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện môi trường, góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường, chủ động kiểm soát, khống chế dịch bệnh; phát triển đàn gia súc, gia cầm theo hướng tập trung và an toàn sinh học. Quy hoạch lại các khu nuôi trồng thủy sản, tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng trong nuôi trồng thủy sản để giảm thiểu rủi ro, đảm bảo phát triển bền vững; tuyên truyền vận động người dân áp dụng những biện pháp khai thác bền vững để bảo đảm cân bằng sinh thái;

- Đẩy mạnh công tác trồng rừng, phục hồi rừng, xúc tiến tái sinh và làm giàu rừng trên các vùng đất quy hoạch lâm nghiệp. Bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững đất rừng để tăng lượng hấp thụ carbon và loại bỏ phát thải nhà kính. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên rừng, phòng chống cháy rừng;

- Tăng cường hoàn thiện hệ thống thủy lợi, cải tạo hệ thống kênh mương chống thất thoát nước nâng cao hiệu quả tưới tiêu;

- Đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn đạt các tiêu chí nông thôn mới phục vụ phát triển nông thôn, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu đã được xác định trong Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ bao gồm:

- + Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững,
- + Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững,
- + Chương trình mục tiêu phát triển tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư,

## **2.3. Lĩnh vực quản lý tài nguyên**

### **a) Về quản lý đất đai và đo đạc bản đồ**

Quản lý chặt chẽ đất đai nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên đất đai. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai để quản lý, khai thác hiệu quả hệ thống thông tin đất đai và thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai.

Tăng cường công tác điều tra, đánh giá đất đai để làm cơ sở đánh giá chính xác thực trạng, chất lượng, tiềm năng đất đai. Tập trung hoàn thành Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Thực hiện việc công bố công khai, kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng.

Tích cực triển khai, hoàn thành dự án tổng thể đo đạc lập bản đồ, chuẩn hóa hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai toàn tỉnh. Giai đoạn 2017-2020 hoàn thành khối lượng còn lại về đo đạc, lập bản đồ địa chính thuộc Dự án tổng thể

xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên.

### ***b) Về quản lý tài nguyên khoáng sản***

Đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá chất lượng, xác định trữ lượng và giá trị các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý, cấp phép của tỉnh. Bảo đảm sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, sử dụng công nghệ tiên tiến, gắn với bảo vệ môi trường. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp; ưu tiên cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến sâu khoáng sản trên địa bàn tỉnh, hạn chế xuất khẩu và tiến tới không xuất khẩu khoáng sản thô.

Thực hiện đấu giá quyền khai thác tài nguyên khoáng sản. Quản lý chặt chẽ các loại khoáng sản nghèo (*hàm lượng thấp*) trong nước chưa sử dụng, để sử dụng sau này khi có công nghệ phù hợp.

Đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản. Chỉ cho phép thực hiện đối với các dự án khai thác, chế biến khoáng sản có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; các dự án khai thác, sử dụng triệt để, tiết kiệm khoáng sản; đầu tư chế biến sâu khoáng sản ra sản phẩm cuối cùng, sản phẩm tiêu dùng.

Công khai thông tin về quy hoạch khoáng sản, về trình tự thủ tục, thông tin về cấp giấy phép khai thác, về môi trường, về việc thu phí và sử dụng phí bảo vệ môi trường, quỹ phục hồi môi trường; quy định tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu, đối thoại về trách nhiệm bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản gây ra; Công khai phương án khai thác, phương án an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường để nhân dân biết và thực hiện quyền giám sát.

### ***c) Về quản lý tài nguyên nước***

Tập trung rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Lào Cai giai đoạn đến năm 2020 đáp ứng yêu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến năm 2020, chấm dứt các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trái phép trên địa bàn tỉnh.

Lập, công bố danh mục các nguồn nước cần phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh, quản lý, giám sát chặt chẽ các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đã được thiết lập từ khâu quy hoạch, đầu tư xây dựng đến quá trình thực hiện, trọng tâm là các sông, suối ven các đô thị, khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp, các hồ chứa lớn, quan trọng. Điều tra, đánh giá và công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối, ngưỡng giới hạn khai thác đối với các tầng chứa.

Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước. Quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng một số sông, suối chính, tầng chứa nước dưới đất. Khoanh vùng ô nhiễm nguồn nước; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn nước gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học.

Khai thác, sử dụng nguồn nước mặt, nước dưới đất hợp lý, tiết kiệm và phù hợp với đặc điểm, khả năng nguồn nước của từng vùng để bảo đảm cung cấp nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ nguồn nước ổn định lâu



dài. Phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra. Khắc phục có hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước vào mùa khô, đặc biệt trên khu vực 46 xã có nguy cơ sa mạc hoá của 3 huyện: Mường Khương, Bắc Hà và Si Ma Cai; lũ, ngập lụt ở vùng thấp.

Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa thủy lợi và các công trình khai thác sử dụng nước trong nông nghiệp và sinh hoạt. Tăng cường bảo vệ lợi ích quốc gia trong quản lý, sử dụng bền vững và bảo vệ nguồn nước xuyên biên giới.

Thực hiện công tác cấp phép, gia hạn giấy phép khai thác tài nguyên nước kịp thời cho các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định. Giám sát việc triển khai quy trình vận hành các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh; theo dõi biến động nguồn nước, các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở ngoài biên giới phía thượng nguồn lưu vực sông Hồng.

#### **2.4 Về bảo vệ môi trường**

Lập Quy hoạch Bảo vệ môi trường giai đoạn 2020 - 2030. Hàng năm đánh giá đúng thực trạng, diễn biến môi trường tỉnh làm cơ sở định hướng bảo vệ cho những năm tiếp theo; Lồng ghép các yêu cầu về Bảo vệ môi trường vào quá trình lập, phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch, kế hoạch ngành, lĩnh vực.

Tập trung phát triển công nghiệp, công nghiệp phụ trợ, dịch vụ, nông nghiệp theo hướng thu hút các dự án đầu tư có công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Giám sát chặt chẽ các nguồn thải của các cơ sở bằng công nghệ thiết bị kỹ thuật (*thiết bị quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải*).

Duy trì vận hành các công trình/hạng mục công trình bảo vệ môi trường khu vực công ích (*chất thải y tế, sinh hoạt, khu cụm công nghiệp...*). Tiếp tục quan tâm đầu tư, thu hút nguồn lực xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung tại Khu công nghiệp Tăng Loong; hoàn thành và vận hành Nhà máy xử lý nước thải thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa... Quan tâm đầu tư các công trình về bảo vệ môi trường khu vực nông thôn gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới; Kiểm soát việc sử dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất bảo quản nông sản, thức ăn và thuốc phòng trừ dịch bệnh trong chăn nuôi; thu gom, xử lý triệt để bao bì chứa hóa chất sau khi sử dụng.

Triển khai có hiệu quả đề án phân loại chất thải rắn tại nguồn; tăng cường tái sử dụng, tái chế, sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải, nhất là chất thải công nghiệp và sinh hoạt. Triển khai có hiệu quả Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề; Kế hoạch bảo vệ môi trường; Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên kiểm soát ô nhiễm môi trường xuyên biên giới, khu vực đầu nguồn để có biện pháp quản lý hiệu quả; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát môi trường, chất thải phát sinh, nhập khẩu phế liệu, chất thải nguy hại xuyên biên giới.

#### **2.5 Lĩnh vực Công nghiệp-Thương mại**

- Nâng cao nhận thức và khả năng ứng phó với BĐKH trong ngành công thương đảm bảo sự phát triển bền vững, đáp ứng Chiến lược quốc gia về tăng

trường xanh, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trường xanh.

- Khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm các ngành công nghiệp hiện có, nhất là công nghệ chế biến khoáng sản; khuyến khích phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, hạn chế phát thải khí nhà kính.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tăng cường giáo dục, tuyên truyền phổ biến thông tin, vận động cộng đồng, nâng cao ý thức, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển, phổ biến các thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, từng bước loại bỏ các trang thiết bị hiệu suất thấp, nâng cao hiệu quả trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp;

Khuyến khích mở rộng mạng lưới kinh doanh nhiên liệu sinh học (xăng E5) trong hệ thống bán lẻ xăng dầu tỉnh Lào Cai.

### **2.6. Về lĩnh vực Giao thông Vận tải:**

- Tăng cường đầu tư nâng cấp các hệ thống, mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh;

- Nâng cao chất lượng kiểm tra an toàn kỹ thuật đối với các phương tiện vào kiểm định, đặc biệt là kiểm tra tiêu chuẩn khí thải đảm bảo đúng quy định hiện hành. Khuyến khích và vận động chủ phương tiện tham gia giao thông sử dụng nhiên liệu sinh học để giảm ô nhiễm môi trường.

### **2.7. Về lĩnh vực Xây dựng:**

- Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, xây dựng khu đô thị mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị hiện hữu đảm bảo về giao thông, cảnh quan, vệ sinh môi trường và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích ứng dụng giải pháp công nghệ nhằm thực hiện giảm phát thải KNK trong lĩnh vực xây dựng, xây dựng công trình theo hướng công trình xanh, tiết kiệm năng lượng, đô thị xanh, sinh thái, bền vững. Khuyến khích các đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công áp dụng các công nghệ mới, các nguyên liệu thay thế, sản phẩm mới thân thiện với môi trường.

- Từng bước thực hiện xử lý hiệu quả nước thải, chất thải rắn cho các đô thị và các điểm dân cư nông thôn.

### **2.8. Về lĩnh vực khoa học và công nghệ**

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao hiệu quả, hiệu suất sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển giao công nghệ, nhập khẩu máy móc, thiết bị nhằm ngăn ngừa việc đưa công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu không đảm bảo yêu cầu về môi trường vào địa bàn tỉnh.

Ưu tiên các chương trình, đề tài khoa học về quản lý hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm của tỉnh, trong đó chú trọng các giải pháp phi công trình.

Chủ trì thẩm định cơ sở khoa học và công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (*theo thẩm quyền*). Đánh giá, giám định các thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ nhập vào địa bàn tỉnh.

### **3. Nhiệm vụ chuẩn bị nguồn lực**

#### **3.1. Nguồn lực con người:**

- Điều tra, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực làm công tác tham mưu về BDKH của các Sở, ngành và địa phương để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng được nhu cầu thực hiện thỏa thuận Paris về BDKH.

Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cộng đồng về thích ứng với BDKH và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện thỏa thuận Paris, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

#### **3.2. Nguồn lực tài chính:**

- Xây dựng kế hoạch đảm bảo huy động nguồn lực cho biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh để triển khai thực hiện phù hợp với Thỏa thuận Paris và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

Đề xuất danh mục các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, ưu tiên dự án thực hiện các cam kết trong đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam (NDC). Tranh thủ nguồn đầu tư từ Trung ương, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tư nhân và đóng góp của nhân dân.

#### **3.3. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế:**

- rà soát, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch, chương trình hành động của UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương về ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh nhằm thích ứng với BDKH phù hợp với cam kết đóng góp của Việt Nam trong NDC.

- Tiếp tục triển khai lồng ghép các vấn đề biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bảo đảm mỗi Sở, ngành, địa phương đều có đầu mối thực hiện nhiệm vụ về biến đổi khí hậu.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, tổ chức theo dõi, báo cáo đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

3. Căn cứ các nhiệm vụ trong Kế hoạch và các Chương trình mục tiêu đã được xác định trong Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ: các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ để làm cơ

sở xác định và bố trí ngân sách và đề nghị Trung ương, các tổ chức quốc tế hỗ trợ kinh phí thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn vướng mắc, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động kiến nghị, đề xuất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Cục Biến đổi Khí hậu;
- Các sở, ban, ngành và các đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, TH1, NLN1, TNMT

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Hưng**





## PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai)

### I. NHIỆM VỤ GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

#### 1. Các nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn 2017-2020

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Xây dựng và thực hiện các đề xuất giảm nhẹ phát thải KNK và TTX phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) cho lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn.	- Sở Công Thương - Sở GTVT - Sở Xây dựng - Sở NN&PTNN	Sở TNMT, các Sở, ngành, các UBND huyện, thành phố, doanh nghiệp	2018	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.

#### 2. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK khác phù hợp với tỉnh Lào Cai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở ngành, các UBND huyện, thành phố, doanh nghiệp	2030	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.

2

## II. NHIỆM VỤ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

### 1. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2017-2020

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Rà soát thông tin, dữ liệu hiện có về thích ứng với BĐKH, tổn thất và thiệt hại; đề xuất thông tin, nghiên cứu bổ sung và phương thức quản lý, chia sẻ dữ liệu tạo thuận lợi cho xây dựng, cập nhật các báo cáo đóng góp của quốc gia về thích ứng với BĐKH	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: KH&ĐT, TC, NN&PTNN, UBND huyện, thành phố	2019	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.
2	Thực hiện chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh (Theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ)	- Hợp phần BĐ KH do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì.  - Hợp phần Tăng trưởng xanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì.	Các Sở: KHĐT, TNMT, TC, XD, NN&PTNN, CT, UBND các huyện, thành phố	2020	Tổng vốn: 15.866 tỷ đồng, trong đó: - Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương: 470 tỷ đồng. - Vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương: 396 tỷ đồng. - Vốn ODA: 15.000 tỷ đồng
3	Thực hiện chương trình mục tiêu phát triển thủy sản bền vững (Theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: KHĐT, TC, UBND các huyện, thành phố	2020	Tổng vốn: 49.248 tỷ đồng, trong đó: - Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung



					ương 9.656 tỷ đồng. - Vốn ODA: 40 tỷ đồng - Vốn huy động hợp pháp khác: 39.552 tỷ đồng
4	Thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (Theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: KHĐT, TC, TNMT, UBND các huyện, thành phố	2020	Tổng vốn: 59.599 tỷ đồng, trong đó: - Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương: 9.460 tỷ đồng. - Vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương: 5.115 tỷ đồng. - Vốn ODA: 6.800 tỷ đồng - Vốn huy động hợp pháp khác: 38.224 tỷ đồng
5	Thực hiện chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (Theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở: KHĐT, TC, UBND các huyện, thành phố	2020	Tổng vốn: 529.935 tỷ đồng, trong đó: - Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương: 24.375 tỷ đồng. - Vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương: 560 tỷ đồng.

					- Vốn ODA: 6.458 tỷ đồng - Vốn huy động hợp pháp khác: 498.542 tỷ đồng
6	Thực hiện các hoạt động khác về thích ứng với BĐKH nhằm tăng khả năng chống chịu, bảo vệ cuộc sống và sinh kế cho người dân, tạo điều kiện để có đóng góp lớn hơn trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: KHĐT, TC, UBND các huyện, thành phố	2020	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.

## 2. Nhiệm vụ giai đoạn 2021-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành	Nguồn lực tài chính
1	Xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch dân cư, cơ sở hạ tầng dựa trên kịch bản BĐKH có chú trọng đến các ngành và vùng trọng điểm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở ngành, các UBND huyện, thành phố, doanh nghiệp	Thực hiện cho cả giai đoạn	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.
2	Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở TNMT, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.





	biển dâng đợ bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc cơ nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.				
3	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông, đảm bảo an toàn hồ chứa; tăng cường hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới, đảm bảo an ninh nguồn nước	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở NNPTNT, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Thực hiện cho cả giai đoạn	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.
4	Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	Thực hiện cho cả giai đoạn	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.
5	Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BĐKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở TNMT, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Thực hiện cho cả giai đoạn	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.
6	Rà soát, điều chỉnh và phát triển sinh kế và quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện BĐKH gắn với xóa đói giảm nghèo, công bằng xã hội.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở TNMT, LĐTB&XH, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan	Thực hiện cho cả giai đoạn	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.
7	Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành, UBND các huyện,	Thực hiện cho cả	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh

	đồng, thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức bản địa, ưu tiên cộng đồng dễ bị tổn thương nhất		thành phố, các tổ chức chính trị-xã hội và các đơn vị liên quan	giai đoạn	ng nghiệp, cộng đồng.
8	Quy hoạch đô thị và sử dụng đất, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư trên cơ sở kịch bản nước biển dâng	Sở Xây dựng	Sở KHĐT, TNMT, UBND các huyện, thành phố, và các đơn vị liên quan	Thực hiện cho cả giai đoạn	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.
9	Chống ngập cho các khu đô thị; xây dựng các cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với tác động của BĐKH; củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước đô thị.	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố	Thực hiện cho cả giai đoạn	Ngân sách nhà nước; Hỗ trợ quốc tế; Doanh nghiệp, cộng đồng.

### III. NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC

#### 1. Chuẩn bị nguồn lực con người

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện	Năm hoàn thành
1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris ở địa phương	Các Sở, ban, ngành; các cơ quan báo, đài; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức chính trị-xã hội	Thực hiện cho cả giai đoạn
2	Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo lại cán bộ, viên chức, người lao động đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris.	Sở Nội Vụ	Thực hiện cho cả giai đoạn

## 2. Chuẩn bị công nghệ

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
1	Áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với BĐKH có tiềm năng và phù hợp với điều kiện địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2019
2	Rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về BĐKH; củng cố các cơ quan nghiên cứu về BĐKH đầu ngành; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, trao đổi công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2020

## 3. Chuẩn bị nguồn lực tài chính

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Năm hoàn thành
1	Xây dựng Khung Huy động nguồn lực cho BĐKH và tăng trưởng xanh bao gồm khu vực tư nhân; kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với Thỏa thuận Paris, kế hoạch phát triển KT-XH 2016-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở TC, TNMT, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2019

2	<p>Đề xuất danh mục các dự án ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh, ưu tiên dự án thực hiện các cam kết trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), có khả năng huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, chú trọng các dự án phát triển năng lượng tái tạo huy động nguồn lực từ khối tư nhân, hỗ trợ quốc tế.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư		2020
---	--	-----------------------	--	------

2